

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM
BÁN NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021**

(Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

a) Tên Quỹ, loại hình quỹ

: Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Techcom (TCBF), Quỹ mở

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ

: Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định.

Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ

: Không thời hạn

d) Danh mục tham chiếu

: Không áp dụng

e) Chính sách phân chia lợi nhuận

: Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính

để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

f) Số lượng chứng chỉ quỹ : 1.160.120.048,59 (thời điểm 30/06/2022)

g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ:

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2021 lần thứ hai tổ chức ngày 27/05/2022 đã nhất trí thông qua Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, thông tin chi tiết tham khảo tại nội dung công bố thông tin trên website của công ty QLQ theo đường link bên dưới:

<https://www.techcomcapital.com.vn/tcbf-cbtt-bien-ban-va-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-tai-chinh-2021-lan-thu-hai-ngay-27-05-2022/>

và được đề cập tại Điều 10 của nội dung Nghị Quyết Đại hội Nhà Đầu tư bên dưới.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2021 lần thứ hai tổ chức ngày 27/05/2022 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau(*):

Điều 1:

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Quỹ tại tài liệu họp.

Điều 2:

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của Quỹ tại Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 3:

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>

Điều 4:

Thông qua Báo cáo Ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đính kèm báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>.

Điều 5:

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2021 Quỹ tại Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 6:

Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2022 tại tài liệu họp.

Điều 7:

Thông qua việc thay đổi Chủ tịch Ban đại diện Quỹ:

- Chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Xuân Minh đối với chức danh Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF) kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2022.
- Thông qua việc đề cử Bà Nguyễn Thị Hoạch đối với chức danh Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF) kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2022.

Điều 8:

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2022.

Điều 9:

Thông qua việc Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2021 ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định:

- Quyết định mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa là 1,5%/NAV/năm.
- Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản Lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website.
- Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt

Điều 10:

- Thông qua việc bổ sung các nội dung Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ như dưới đây vào chương trình họp tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2021 lần thứ hai của Quỹ.

- Thông qua việc cập nhật lại một số nội dung tại mục Cơ sở pháp lý của Điều lệ Quỹ như nội dung nêu tại Tài liệu họp Đại hội.

- Thông qua việc sửa đổi Khoản 4 Điều 58 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:

Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn theo kỳ định giá và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được thống nhất với Đại lý chuyển nhượng phù hợp với quy định pháp luật và có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng.

57
CỔ
CỐ
UẢN
KỸ T
GIÁ

Điều 11:

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

(*) Thông tin chi tiết được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Tiền gửi ngân hàng	0,65%	4,59%	1,16%
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (03) tháng	6,35%	2,61%	5,24%
Trái phiếu niêm yết	79,76%	27,84%	53,77%
Trái phiếu chưa niêm yết	1,33%	8,76%	9,63%
Chứng chỉ tiền gửi	9,98%	15,05%	13,16%
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	0,00%	38,78%	14,57%
Các khoản phải thu	1,91%	2,36%	2,46%
	100,00%	100,00%	100,00%

Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	18.804.192.852.324	26.692.091.088.901	17.046.549.944.843
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	1.160.120.048,59	1.763.973.991,86	1.200.097.581,13
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	16.208,83	15.131,79	14.204,30
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	16.231,79	15.157,98	14.204,30
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	15.646,71	14.657,53	13.767,78
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	745.024.942.740	960.801.688.299	676.030.508.108
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	20.591.727.486	(17.972.348.073)	9.548.802.195

Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	48.655.867.798	117.497.148.608	(69.346.026.812)
Doanh thu khác			
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,32%	1,31%	1,62%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	106,12%	41,80%	86,43%

b) Chỉ tiêu lợi nhuận của Quỹ:

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	5 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	13,67%	18,95%	29,87%
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	3,42%	-10,87%	14,52%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,12%	22,85%	43,29%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	7,12%	7,10%	7,46%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	56,04%	73,02%	Không áp dụng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, là thống nhất đã được phê duyệt bởi Ban đại diện Quỹ;

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ hoàn thành mục tiêu mang lại lợi nhuận dài hạn đều đặn cho các Nhà Đầu tư.

Theo báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 7,12% so với thời điểm 30 tháng 06 năm 2021.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Quỹ không thay đổi chiến lược trong kỳ báo cáo. Chiến lược Quỹ sử dụng trong kỳ báo cáo là chiến lược đã được công bố thông tin tại Bản cáo bạch.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thông tin về cơ cấu danh mục tham khảo tại mục a) phần 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ nêu trên. So với danh mục tại thời điểm 30/06/2021, tại thời điểm 30/06/2022 Quỹ tăng đáng kể tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu niêm yết

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

- Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo:

Kinh tế vĩ mô H1 năm 2022

Kinh tế Việt Nam có xu hướng hồi phục và tăng trưởng trong Quý II song việc biến động của chính trị thế giới, lạm phát thế giới tăng cao và dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến khá phức tạp.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2022 tăng 5.03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4.72% của quý I/2021 và 3,66% của quý I/2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,85% của quý I/2019. Cung cầu hàng hóa trong nước được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng khá cao, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2021 tăng 7,72% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất trong số tốc độ tăng trưởng cùng kỳ 10 năm trở lại đây. Kinh tế vĩ mô ổn định, triển vọng tăng trưởng khởi sắc hầu hết tất cả lĩnh vực. Trong đó khu vực xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,3%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,9%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,87%; khu vực dịch vụ tăng 8,60%. Khu vực dịch vụ trong quý II/2022 được xem là động lực tăng trưởng chính nhờ hoạt động được mở cửa mạnh mẽ và khách du lịch quốc tế bắt đầu trở lại.

GDP 6 tháng đầu năm 2022 tăng 6,38%, cao hơn tốc độ tăng 5,64% của 6 tháng đầu năm 2021 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 6,77% của cùng kỳ năm 2019. Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2022, khu vực nông,

lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,05%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 39,30%; khu vực dịch vụ chiếm 40,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,02%. Về sử dụng GDP 6 tháng đầu năm 2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,06% so với cùng kỳ năm 2021; tích lũy tài sản tăng 3,92%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 9,10%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,41%.

CPI bình quân Quý II tăng 3,37% so với cùng kỳ; mức cao nhất trong vòng 2 năm qua. Áp lực lạm phát trong Quý II mặc dù chưa quá lớn, tuy nhiên ghi nhận xu hướng tăng rõ nét với lạm phát bình quân 6 tháng đầu năm ở mức 2,44%, cao hơn mức 1,92% trong Quý I cũng như mức 1,47% của cùng kỳ năm 2021.

Thị trường trái phiếu H12022

Trong quý I, trên thị trường sơ cấp, tỷ lệ trúng thầu giảm mạnh so với quý trước, lãi suất có xu hướng tăng mạnh. Tỷ lệ trúng thầu bình quân phiên đạt 52%, giảm mạnh so với mức 71% của quý trước nhưng tương đương với cùng kỳ năm 2021. KBNN đã huy động thành công hơn 41,3 nghìn tỷ đồng trên tổng số 78 nghìn tỷ đồng gọi thầu trong 3 tháng đầu năm 2022. Lãi suất trúng thầu sơ cấp tăng mạnh khoảng 12-15 điểm ở các kỳ hạn chính so với cuối năm ngoái, lên mức khoảng 2,2%/năm đối với kỳ hạn 10 năm và khoảng 2,5%/năm đối với kỳ hạn 15 năm.

Trong quý II, thị trường sơ cấp kém sôi động khi tỷ lệ trúng thầu đạt 45%, thấp hơn mức 52% của quý trước. Theo đó, KBNN đã huy động thành công hơn 27,8 nghìn tỷ đồng trên tổng số 62 nghìn tỷ đồng gọi thầu trong Quý II/2022. Lãi suất trúng thầu tăng khoảng 28 điểm ở các kỳ hạn chính so với cuối năm ngoái, lên mức khoảng 2,48%/năm đối với kỳ hạn 10 năm và khoảng 2,78%/năm đối với kỳ hạn 15 năm.

Lãi suất thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong 2 quý đầu năm có áp lực tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021 do xu hướng tăng lãi suất điều hành của các NHTW và lo ngại lạm phát và tâm lý thận trọng hơn của nhà đầu tư đối với kênh huy động vốn này. Cơ quan quản lý cũng đang trong quá trình sửa đổi Nghị định 153 quy định hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để tăng cường tính minh bạch và quản lý rủi ro tốt hơn đối với thị trường trái phiếu.

Kết thúc 06 tháng đầu năm, tổng khối lượng phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 212,300 tỷ đồng, trong đó, 197,717 tỷ đồng là phát hành trong nước và 625 triệu USD phát hành quốc tế. Trái phiếu phát hành riêng lẻ chiếm 94.5% với 186,836 tỷ đồng (giảm 20.0% so với cùng kỳ 2021) và trái phiếu phát hành ra công chúng đạt 10,882 tỷ đồng (tăng 12.8% so với cùng kỳ 2022), chiếm 5,5% tổng khối lượng phát hành. Nhóm ngân hàng dẫn đầu khối lượng phát hành với tổng khối lượng phát hành 87,392 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhóm bất động sản xếp vị trí thứ 2 với tổng khối lượng phát hành 39,114 tỷ đồng, giảm 45% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 6 tháng đầu năm, có 2 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế trị giá 625 triệu USD của Tập đoàn Vingroup.

Nguồn: VBMA, TCC tổng hợp

- Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Ngày 30 tháng 06 năm 2020
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	745.024.942.740	960.801.688.299	676.030.508.108

Lãi tiền gửi ngân hàng	63.038.527.743	301.765.510.683	93.608.396.174
Lãi chứng chỉ tiền gửi	84.894.005.477	197.193.753.423	128.808.287.672
Lãi trái phiếu	597.092.409.520	461.842.424.193	453.613.824.262
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	20.591.727.486	(17.972.348.073)	9.548.802.195
Trái phiếu	11.524.082.526	(14.156.681.634)	680.888.943
Chứng chỉ tiền gửi	9.067.644.960	(3.815.666.440)	8.867.913.252
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	48.655.867.798	117.497.148.608	(69.346.026.812)
Doanh thu khác			

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy

định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2022	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2021	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2020
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	11.156.325.176	15.242.202.568	8.878.687.497
Tổng chi phí hoạt động (2)	130.520.785.078	178.585.952.863	125.598.901.935
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(2)	8,55%	8,53%	7,07%
Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện (3)	682.597.476.295	881.612.464.119	490.137.034.546
% Lợi nhuận = (1)/(3)	1,63%	1,73%	1,81%
Tổng Thu nhập đã thực hiện và chưa thực hiện của Quỹ (4)	814.272.538.024	1.060.326.488.834	616.233.283.491
% Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)	1,37%	1,44%	1,44%

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2022	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2021	Từ ngày 01/01 đến 30/06/2020
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	11.156.325.176	15.242.202.568	8.878.687.497
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	3.460.912.556	4.741.802.370	2.710.427.341
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	42.630.000	29.660.000	166.545.000
Phí dịch vụ giám sát	3.263.146.124	4.470.842.230	2.555.545.780
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	4.389.636.496	5.999.897.968	3.446.169.376

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

Theo đánh giá của chúng tôi, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền cho Quỹ TCBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Lưu Dũng